

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2777/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng - Trưởng ban Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

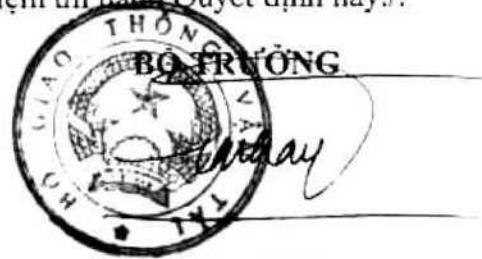
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 2729/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2012 về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý; số 3085/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2013 về việc quy định tạm thời nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT do Bộ Giao thông vận tải quản lý; số 3321/QĐ-BGTVT ngày

29/8/2014 ban hành Quy định về xây dựng, điều chỉnh, công bố danh mục dự án BOT, BTO, BT của Bộ Giao thông vận tải; số 3323/QĐ-BGTVT ngày 29/8/2014 về việc quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong việc giám sát thực hiện hợp đồng BOT giai đoạn kinh doanh và chuyển giao các dự án thuộc lĩnh vực đường bộ do Bộ Giao thông vận tải quản lý; thay thế các nội dung liên quan đến đầu tư theo hình thức đối tác công tư quy định tại Quyết định số 2783/QĐ-BGTVT ngày 12/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về phân cấp, ủy quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý, đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Vụ trưởng - Trưởng ban Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Tổng giám đốc các Ban QLDA, Viện trưởng các Viện, Hiệu trưởng các Trường thuộc Bộ, Tổng Giám đốc các Tổng công ty thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, XD;
- Các Thứ trưởng;
- Công Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, ĐTCT.



Đình La Thăng

QUY ĐỊNH

Về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2777/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (sau đây gọi tắt là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là theo hình thức PPP) theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2015/NĐ-CP), Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 30/2015/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Bộ GTVT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị được uỷ quyền, giao nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP do Bộ GTVT quản lý.

Chương 2

GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

Điều 3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Bộ GTVT là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP, bao gồm:

- a) Dự án quan trọng quốc gia (khi được Thủ tướng Chính phủ giao);
- b) Dự án nhóm A;

c) Dự án nhóm B và nhóm C có ứng dụng khoa học - công nghệ mới; có liên quan từ hai Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trở lên hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng cục ĐBVN), Cục quản lý chuyên ngành; các dự án có tính chất phức tạp khác theo quyết định cụ thể của Bộ GTVT.

d) Các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng Kinh doanh - Quản lý.

2. Bộ GTVT ủy quyền cho Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP nhóm B, nhóm C, trừ các dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Phạm vi ủy quyền và trách nhiệm của cơ quan được ủy quyền thực hiện theo Quy định này.

Điều 4. Thẩm quyền cho phép chuẩn bị đầu tư, phê duyệt đề xuất dự án

1. Cho phép chuẩn bị đầu tư.

Bộ trưởng Bộ GTVT là người quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức PPP do Bộ GTVT quản lý.

2. Đề xuất dự án.

a) Bộ GTVT tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 và dự án nhóm B quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. Đối với dự án có sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Bộ GTVT ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án đối với các dự án nhóm C quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này; trước khi phê duyệt phải có ý kiến chấp thuận của Bộ GTVT. Đối với dự án có sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

c) Bộ GTVT tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán công tác khảo sát, lập đề xuất dự án (nếu có); công tác thẩm tra, thẩm định (nếu có) đối với các dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; Bộ GTVT ủy quyền cho Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định, phê duyệt đối với các dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 5. Xây dựng và công bố dự án

1. Xây dựng đề xuất dự án.

a) Bộ GTVT giao đơn vị quản lý dự án thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi tắt là Ban QLDA) lập hoặc tổ chức lập đề xuất dự án (bao gồm cả nhiệm vụ, dự toán công tác khảo sát, lập đề xuất dự án, nếu có) đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b) Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành tổ chức lập đề xuất dự án (bao gồm cả nhiệm vụ, dự toán công tác khảo sát, lập đề xuất dự án, nếu có) đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

c) Nhà đầu tư được đề xuất thực hiện dự án ngoài các dự án, danh mục dự án được công bố. Điều kiện đề xuất dự án và nội dung đề xuất dự án theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP. Nhà đầu tư gửi đề xuất dự án đến Bộ GTVT đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này và gửi đến Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành đối với các dự án quy định khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành xem xét, trình Bộ GTVT phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này. Sau khi đề xuất dự án được phê duyệt, thực hiện việc công bố dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công bố dự án.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt, cơ quan phê duyệt đề xuất dự án tổ chức công bố dự án, danh mục dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT. Nội dung công bố theo quy định tại Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

3. Nội dung đề xuất dự án theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn và các quy định khác có liên quan của Bộ GTVT.

Điều 6. Lựa chọn tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án và lập báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Dự án do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất.

a) Đối với các dự án quy định khoản 1 Điều 3 Quy định này: Ban QLDA thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của Luật Đấu thầu trong tổ chức lựa chọn tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án; tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm cả nhiệm vụ, dự toán công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi; công tác thẩm tra, thẩm định, nếu có), trình Bộ GTVT.

b) Đối với các dự án quy định khoản 2 Điều 3 Quy định này: Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của Luật Đấu thầu trong tổ chức lựa chọn tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án; tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm cả nhiệm vụ, dự toán công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi; công tác thẩm tra, thẩm định, nếu có), trình Bộ GTVT.

c) Bộ GTVT có ý kiến chấp thuận đơn vị nhận hồ sơ yêu cầu (hoặc dự thảo hợp đồng đối với trường hợp chỉ định thầu rút gọn) và có ý kiến chấp thuận trước khi người có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu trong lựa chọn tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án đối với các dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Dự án do Nhà đầu tư đề xuất.

a) Nhà đầu tư có đề xuất dự án được phê duyệt tổ chức lựa chọn tư vấn để lập báo cáo nghiên cứu khả thi trình Ban QLDA được Bộ GTVT giao nhiệm vụ đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này và trình Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành (tùy theo lĩnh vực đầu tư) đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. Bộ GTVT có ý kiến chấp thuận đơn vị tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án và nhiệm vụ, dự toán công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi Nhà đầu tư phê duyệt.

b) Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành và các Ban QLDA lập nhiệm vụ, dự toán công tác thẩm tra, thẩm định (nếu có) trình Bộ GTVT phê

duyet; phối hợp, kiểm tra, giám sát Nhà đầu tư trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi; tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư, xem xét và trình Bộ GTVT phê duyệt.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

Bộ GTVT tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm cả nhiệm vụ và dự toán công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi; công tác thẩm tra, thẩm định, nếu có) các dự án nhóm A và nhóm B theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Chương 3

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ KÝ HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 8. Đối với dự án do Bộ GTVT là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Lựa chọn nhà đầu tư.

a) Bộ trưởng Bộ GTVT thực hiện toàn bộ trách nhiệm của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu.

b) Bộ GTVT giao nhiệm vụ cho Ban QLDA là Bên mời thầu, có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện toàn bộ trách nhiệm của Bên mời thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

2. Thỏa thuận đầu tư và hợp đồng dự án.

a) Ban QLDA trình Bộ GTVT thỏa thuận đầu tư (bao gồm dự thảo hợp đồng dự án), kế hoạch và nội dung đàm phán hợp đồng dự án.

b) Bộ GTVT tổ chức đàm phán hợp đồng dự án với Nhà đầu tư; trên cơ sở kết quả đàm phán, Ban QLDA hoàn chỉnh hợp đồng dự án và thỏa thuận đầu tư trình Bộ GTVT ký kết với nhà đầu tư.

c) Ban QLDA phối hợp với Nhà đầu tư trong quá trình cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; cập nhật hợp đồng dự án theo ý kiến của các cơ quan liên quan và trình Bộ GTVT ký hợp đồng dự án với Nhà đầu tư.

Điều 9. Đối với dự án do Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Lựa chọn nhà đầu tư.

Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN, Cục trưởng các Cục quản lý chuyên ngành thực hiện toàn bộ trách nhiệm của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu. Trước khi phê duyệt kết quả sơ tuyển, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư và kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải có ý kiến chấp thuận của Bộ GTVT.

2. Thỏa thuận đầu tư và hợp đồng dự án.

Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Quy định này và các quy định khác có liên quan của Bộ GTVT.

Điều 10. Nhóm công tác liên ngành

Tùy thuộc vào nhu cầu đàm phán và thực hiện dự án, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Nhóm công tác liên ngành để hỗ trợ đàm phán, thực hiện dự án. Thành phần, nhiệm vụ và thời gian hoạt động của Nhóm công tác liên ngành để hỗ trợ đàm phán, thực hiện dự án theo quyết định cụ thể của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương 4

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ KẾT THÚC XÂY DỰNG ĐƯA CÔNG TRÌNH CỦA DỰ ÁN VÀO KHAI THÁC SỬ DỤNG

Điều 11. Đối với dự án do Bộ GTVT là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban QLDA trong giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng, bao gồm:

a) Tiếp nhận nguồn vốn của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có) và thực hiện việc cấp phát, thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án theo đúng các quy định của pháp luật và hợp đồng dự án;

b) Xác nhận lãi suất vay, giá trị giải ngân, giá trị hoàn thuế giá trị gia tăng từng thời kỳ theo quy định của hợp đồng dự án;

c) Phối hợp với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án, Chủ đầu tư dự án thành phần giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; kiểm tra, xem xét các tài liệu đệ trình của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án, trình Bộ GTVT;

d) Xem xét, kiểm tra, chấp thuận các tài liệu đệ trình của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án hoặc trình Bộ GTVT theo quy định của hợp đồng dự án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

đ) Kiểm tra, soát xét đề cương nhiệm vụ, dự toán chi phí các gói thầu tư vấn thiết kế và dự toán, trình Bộ GTVT hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng;

e) Kiểm tra, xem xét hồ sơ điều chỉnh tổng mức đầu tư; điều chỉnh, bổ sung báo cáo nghiên cứu khả thi; phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng dự án (nếu có) và giá trị quyết toán chi phí đầu tư công trình hoàn thành, trình Bộ GTVT thỏa thuận hoặc phê duyệt;

g) Theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng dự án của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư và giai đoạn bảo hành, bảo trì công trình dự án; phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc Bộ trưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ GTVT trong giai đoạn thực hiện đầu tư (bao gồm cả việc quyết toán chi phí đầu tư công trình hoàn thành) theo quy định của hợp đồng dự án, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan;

h) Bàn giao hồ sơ, tài liệu và các công việc liên quan đến công trình dự án để Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành tiếp nhận phục vụ công tác quản lý trong giai đoạn kinh doanh, khai thác và chuyển giao công trình dự án;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Bộ GTVT giao.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ban QLDA và các cơ quan, đơn vị liên quan trong giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng sẽ được Bộ GTVT quy định trong quyết định riêng.

Điều 12. Đối với dự án do Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành có trách nhiệm xem xét, trình Bộ GTVT các công việc, bao gồm:

a) Chấp thuận việc cầm cố, thế chấp tài sản; chủ trương chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án (nếu có);

b) Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư; điều chỉnh, bổ sung đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có) các dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này; thoả thuận điều chỉnh đề xuất dự án các dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này;

c) Thoả thuận quyết toán giá trị công trình hoàn thành các dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Bộ GTVT giao nhiệm vụ cho Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện toàn bộ chức năng, nhiệm vụ còn lại của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

3. Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Bộ GTVT giao.

Điều 13. Nghiệm thu đưa công trình vào khai thác

Việc nghiệm thu đưa công trình dự án vào khai thác thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, các văn bản hướng dẫn và quy định của Bộ GTVT.

Chương 5

GIAI ĐOẠN KINH DOANH, KHAI THÁC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG TRÌNH

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành

1. Trình Bộ GTVT xem xét, quyết định các nội dung, bao gồm:

a) Các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng dự án đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này; chấp

thuận chủ trương chuyển nhượng quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng dự án đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này;

b) Thẩm định, phê duyệt đầu tư bổ sung khi việc đầu tư bổ sung làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm xây dựng và tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của công trình dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này;

c) Các nội dung liên quan đến điều chỉnh giá vé, đối tượng thu phí và các nội dung khác liên quan đến việc thu phí thuộc thẩm quyền xử lý, quyết định của Bộ GTVT hoặc các Bộ, ngành liên quan;

d) Phụ lục hợp đồng dự án đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này;

đ) Xây dựng và trình Bộ GTVT ban hành tiêu chí về chất lượng công trình dự án trong quá trình khai thác và khi nhà đầu tư chuyển giao công trình dự án cho Nhà nước, làm cơ sở thực hiện.

2. Bộ GTVT giao nhiệm vụ cho Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ còn lại của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giai đoạn kinh doanh, khai thác và chuyển giao công trình dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và hợp đồng dự án. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành bao gồm:

a) Tiếp nhận hồ sơ, tài liệu công trình dự án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 11 Quy định này để tiếp tục thực hiện công tác quản lý hợp đồng dự án;

b) Thỏa thuận quy trình bảo trì; chấp thuận kế hoạch và kinh phí công tác bảo trì; theo dõi, kiểm tra công tác bảo trì của doanh nghiệp dự án; thoả thuận giá trị quyết toán công tác bảo trì;

c) Theo dõi, kiểm tra công tác đảm bảo giao thông; chấp thuận phương án tổ chức giao thông; cấp phép thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông;

d) Theo dõi, kiểm tra doanh thu thu phí; công tác tổ chức thu phí; có biện pháp chống thất thoát doanh thu; kiểm soát lãi suất vay trong thời gian kinh doanh, khai thác công trình dự án và các thông số khác liên quan đến phương án tài chính và thu phí;

đ) Thực hiện quyền của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tạm đình chỉ, dừng thu phí khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án vi phạm hợp đồng dự án theo các quy định của hợp đồng dự án;

e) Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án đối với các dự án được Bộ GTVT ủy quyền là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có ý kiến chấp thuận chủ trương của Bộ GTVT;

g) Định kỳ 05 năm, kể từ khi đưa công trình dự án vào kinh doanh, khai thác, Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành có trách nhiệm xác nhận với Doanh nghiệp dự án về các thông số tài chính dự án, các chi phí vận hành (đảm bảo đủ để xác định phương án tài chính dự án) và xác định thời gian còn lại của

hợp đồng dự án; trong 05 năm cuối thực hiện định kỳ hàng năm và riêng năm cuối cùng của hợp đồng dự án thực hiện định kỳ hàng quý;

h) Tổ chức tiếp nhận công trình dự án; thực hiện chức năng nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tiếp nhận chuyển giao công trình dự án theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Bộ GTVT giao.

Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan sẽ được Bộ GTVT quy định trong quyết định riêng.

Chương 6

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Quy định này báo cáo theo yêu cầu của Bộ GTVT tình hình thực hiện công việc được giao.

2. Định kỳ 06 tháng và cả năm (trước ngày 15 của tháng tiếp theo) hoặc khi Bộ GTVT yêu cầu, Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành báo cáo Bộ GTVT tình hình kêu gọi đầu tư, tình hình thực hiện công tác quản lý, kinh doanh và bảo trì theo hợp đồng dự án (đối với dự án do Bộ GTVT là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), tình hình thực hiện hợp đồng dự án (đối với dự án Bộ GTVT ủy quyền là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), những tồn tại và kiến nghị đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP thuộc lĩnh vực mình quản lý.

3. Trong giai đoạn thực hiện dự án.

a) Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành: Định kỳ hàng quý (trước ngày 22 của tháng cuối) hoặc khi Bộ GTVT yêu cầu, báo cáo Bộ GTVT tình hình thực hiện dự án, tiến độ, chất lượng công trình, những vướng mắc và đề xuất, kiến nghị đối với dự án Bộ GTVT ủy quyền là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Các Ban QLDA: Định kỳ hàng tháng (trước ngày 22 của tháng) hoặc khi Bộ GTVT yêu cầu, báo cáo tình hình thực hiện dự án, tiến độ, chất lượng công trình, những vướng mắc và đề xuất, kiến nghị đối với các dự án được giao nhiệm vụ.

4. Chế độ và nội dung báo cáo của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án theo quy định trong hợp đồng dự án; các nội dung chủ yếu, bao gồm:

a) Trong giai đoạn thực hiện dự án

- Báo cáo định kỳ tháng, quý và cả năm (trước ngày 20 của tháng cuối) về tình hình thực hiện dự án với Bộ GTVT, bao gồm: tiến độ, khối lượng, giá trị thực hiện; nhận xét đánh giá về chất lượng công trình; sự tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng; danh sách các tổ chức, cá nhân được lựa chọn để quản lý, cung cấp dịch vụ tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp thiết bị và các tổ

chức, cá nhân khác; giá trị huy động vốn vay, vốn chủ sở hữu; giá trị giải ngân, lãi suất; những thuận lợi và vướng mắc.

- Báo cáo đột xuất khi xảy ra sự cố công trình, sự kiện bất khả kháng, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước hoặc khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thấy cần thiết.

b) Trong giai đoạn kinh doanh, khai thác

- Báo cáo định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng tiếp theo) về tình hình thu phí và doanh thu thu phí; báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 của tháng tiếp theo) và cả năm (trước ngày 31/01 của năm tiếp theo) về tình hình giao thông, lưu lượng xe, doanh thu thu phí, các thông số đầu vào liên quan đến phương án tài chính dự án và các nội dung liên quan đến quản lý, bảo trì công trình dự án theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ và hợp đồng dự án. Riêng báo cáo cả năm về doanh thu thu phí phải có kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc xác nhận của cơ quan thuế.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành và Ban QLDA có trách nhiệm đôn đốc Doanh nghiệp dự án thực hiện chế độ báo cáo. Trường hợp các đơn vị vi phạm chế độ báo cáo sẽ bị xem xét xử phạt bằng hình thức trừ thời gian thu phí theo quy định tại hợp đồng dự án.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư

1. Chủ trì tham mưu quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức PPP, trừ các dự án chuyển đổi hình thức đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này.

2. Chủ trì tham mưu các nội dung liên quan đến đề xuất dự án; thẩm định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập đề xuất dự án; nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và nhiệm vụ thẩm tra, thẩm định dự án (bao gồm cả dự toán kinh phí).

3. Chủ trì thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc để Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi; điều chỉnh tổng mức đầu tư, đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có).

4. Chủ trì tham mưu các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư; lựa chọn đơn vị thực hiện công tác tư vấn trong giai đoạn chuẩn bị dự án (trừ tư vấn về môi trường).

5. Chủ trì tổ chức đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án; tham mưu ký kết thoả thuận đầu tư, hợp đồng dự án và phụ lục hợp đồng dự án (nếu có); tham mưu việc chuyển nhượng quyền, nghĩa vụ hợp đồng dự án.

6. Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP.

7. Phối hợp với Văn phòng Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Tổng cục ĐBVN, Cục quản lý chuyên ngành và Ban QLDA thực hiện công bố dự án.

8. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết các nội dung liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án.

9. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 17. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Đầu tư

1. Chủ trì tham mưu quyết định chuyển đổi hình thức đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công sang đầu tư theo hình thức PPP.

2. Chủ trì tham mưu lập và tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP trong kế hoạch đầu tư công hàng năm; bố trí kế hoạch vốn Nhà nước cho các dự án đầu tư theo hình thức PPP đảm bảo phù hợp với hợp đồng dự án đã ký kết.

3. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư trong việc thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc đề Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi; đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án.

4. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Trách nhiệm của Vụ Tài chính

1. Chủ trì tham mưu chấp thuận cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ đầu tư; thỏa thuận lựa chọn đơn vị kiểm toán; quyết toán giá trị công trình hoàn thành, quyết toán hợp đồng dự án theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; quản lý tài sản và xử lý tài sản thu hồi liên quan đến việc thực hiện dự án.

2. Chủ trì tham mưu xử lý các nội dung liên quan đến thành lập, giải thể trạm thu phí; được phép thu phí, dừng hoặc đình chỉ thu phí; công tác thu phí; đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về phí, lệ phí (bao gồm cả việc điều chỉnh giá vé, thay đổi đối tượng thu phí so với thỏa thuận tại hợp đồng dự án); biện pháp bồi thường cho Nhà đầu tư khi cấp có thẩm quyền trưng mua, trưng dụng dự án và trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng dự án.

3. Có ý kiến thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư và khi chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ hợp đồng dự án.

4. Theo dõi, kiểm tra lãi suất vay trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án, tình hình huy động và sử dụng vốn chủ sở hữu; theo dõi, đôn đốc việc góp vốn chủ sở hữu vào doanh nghiệp dự án đảm bảo đúng quy định của hợp đồng dự án.

5. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư trong công tác thẩm định, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi; tham gia đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án.

6. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

1. Thẩm định tính pháp lý của thỏa thuận đầu tư và hợp đồng dự án.

2. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án.

3. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 20. Trách nhiệm của Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông

1. Chủ trì tham mưu xử lý các nội dung liên quan đến công tác quản lý, bảo trì công trình dự án; chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức quản lý, bảo trì, đầu nối vào công trình và hành lang an toàn giao thông.

2. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư trong công tác thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi và đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án, chịu trách nhiệm chính về các nội dung liên quan đến công tác quản lý, bảo trì (bao gồm cả chi phí) và tiếp nhận công trình dự án.

3. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 21. Trách nhiệm của Vụ Khoa học - Công nghệ

1. Chủ trì tham mưu về danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án và các nội dung liên quan đến áp dụng khoa học - công nghệ mới; có ý kiến thẩm định về sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ.

2. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư trong công tác thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi và tham gia đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án; phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án.

3. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 22. Trách nhiệm của Vụ An toàn giao thông

1. Chủ trì tham mưu về công tác an toàn giao thông trong các giai đoạn thực hiện dự án.

2. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư trong công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện dự án về lĩnh vực an toàn giao thông.

4. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Trách nhiệm của Vụ Môi trường

1. Chủ trì tham mưu các nội dung liên quan đến môi trường các dự án đầu tư theo hình thức PPP do Bộ GTVT quản lý; kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án theo quy định của pháp luật hiện hành và hợp đồng dự án.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 24. Trách nhiệm của Vụ Hợp tác quốc tế

1. Chủ trì tổ chức xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

2. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án đối với dự án có nhà đầu tư nước ngoài.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết các nội dung liên quan đối với dự án có nhà đầu tư nước ngoài hoặc có sự tham gia của nhà thầu nước ngoài.

Điều 25. Trách nhiệm của Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông

1. Chủ trì thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật (trong trường hợp thiết kế ba bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trong trường hợp thiết kế hai bước) theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Chủ trì thẩm tra, thẩm định dự toán công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư và các đơn vị liên quan giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong giai đoạn thực hiện dự án theo quy định của hợp đồng dự án; giám sát chất lượng công trình theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

4. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư trong việc thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc đề Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi; điều chỉnh tổng mức đầu tư, đề xuất dự án và báo nghiên cứu khả thi (nếu có); có ý kiến tham gia về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án, thiết kế công nghệ (nếu có).

5. Phối hợp với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư thực hiện đàm phán, thương thảo hợp đồng dự án và chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến giai đoạn thực hiện dự án.

6. Phối hợp với Vụ Môi trường về các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường; với Vụ An toàn giao thông về các nội dung liên quan đến công tác an toàn giao thông trong quá trình thực hiện đầu tư dự án.

7. Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện dự án giai đoạn thực hiện dự án.

8. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Trách nhiệm của các Vụ và cơ quan, đơn vị liên quan khác

1. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công bố dự án, danh mục dự án trên hệ thống mạng đầu thầu quốc gia.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công bố dự án, danh mục dự án trên Công Thông tin điện tử của Bộ GTVT.

3. Các Vụ và cơ quan, đơn vị liên quan khác thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ hoặc khi được Bộ GTVT giao.

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án: Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao cho đến khi hoàn thành việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (dự án đầu tư xây dựng công trình).

2. Đối với các dự án đã phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (dự án đầu tư xây dựng công trình): Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT.

3. Các trường hợp khác, Bộ GTVT sẽ có quyết định cụ thể.

Điều 28. Thực hiện Quy định

1. Trong toàn bộ quá trình quản lý thực hiện dự án, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Quy định này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan kịp thời có văn bản báo cáo Bộ GTVT để xem xét, hướng dẫn, chỉnh sửa hoặc bổ sung cho phù hợp./.


Đinh La Thăng